

Số: 29/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28/03/2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Cúc

Ông Trương Tha

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân THỊ XÃ N tham gia phiên tòa: Ông Triệu Hoàng Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 632/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn M - sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Ni, thị xã N, tỉnh K Có mặt.

* Bị đơn: Ông Nguyễn S- sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Ni, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 10/12/2021, bản tự khai ngày 27/12/2022, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Bà M và ông S tự nguyện chung sống với nhau năm 2018 đến năm 2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân **Phường N**, thị xã Ninh Hòa. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình nên xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự và lòng tự trọng của nhau. Mặc dù cả hai đã cho nhau cơ hội để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng và tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Bà M và ông S đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Nguyễn S có 1 con chung là **Nguyễn B**, sinh ngày 23/8/2019. Hiện nay cháu Bảo đang sống với bà M nên

bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định bà M và ông S không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Thanh S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân THỊ XÃ N đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông S được biết và trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tòa án nhân dân THỊ XÃ N thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu **Nguyễn B**, sinh ngày 23/8/2019 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn S đã được Tòa án thông báo hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 18/03/2022 ông S đã không có mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 28/3/2022 ông S tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M khởi kiện bị đơn ông Nguyễn S có địa chỉ tại Tổ dân phố 1, phường Ni, thị xã N, tỉnh K về việc “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân THỊ XÃ N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Nguyễn Skết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân **Phường N**, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 24/09/2019. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà M thì quá trình chung sống, vợ chồng bà M và ông S không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông S vì không còn tình nghĩa vợ chồng, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông S đến Tòa án để làm việc và ghi nhận ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà M nhưng đến thời điểm này ông S vẫn vắng mặt không có lý do cho thấy ông S đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà M. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên yêu cầu ly hôn của bà M là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng M đối với ông Nguyễn Thanh S.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Nguyễn Scó 01 con chung là **Nguyễn B**, sinh ngày 23/8/2019. Bà Nguyễn Thị Hồng M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi bà M và ông S ly thân đến nay thì cháu Bảo do bà M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Mặt khác, hiện nay cháu Bảo đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi). Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Bảo Hội đồng xét xử giao cháu **Nguyễn B**, sinh ngày 23/8/2019 cho bà Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng M không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng M xác định bà và ông S không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân THỊ XÃ N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng M được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là **Nguyễn B**, sinh ngày 23/8/2019 đến tuổi trưởng thành. Bà M không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Nguyễn Scó quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng M phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004315 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND **Phường N**, thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy